

Bản án số: **02/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 06 – 01 – 2025

Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thời

Ông Nguyễn Thanh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2024 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5141/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số 5263/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Anh K, sinh năm 1974;

Địa chỉ: C S, S, MO F, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2024; bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt cùng đề ngày 19/03/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Anh K quen biết nhau qua người quen giới thiệu. Sau quá trình tìm hiểu, bà và ông K tự nguyện tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ

chồng ông bà có đăng ký kết hôn ngày 06/10/2023 tại Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, sau khi kết hôn ông bà chỉ chung sống với nhau một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Cả hai bên đã tìm cách hàn gắn nhưng không thành, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông K không còn hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Anh K, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bận công việc gia đình nên bà L không thể tham gia tố tụng, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa án.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Anh K đã được Tòa án tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Nguyễn Anh K đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng ông Nguyễn Anh K vắng mặt không lý do.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Anh K là ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L hiện ở Việt Nam; bị đơn ông Nguyễn Anh K có địa chỉ ở nước ngoài (Hoa Kỳ) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án đã tiến

hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, yêu cầu cung cấp bản khai và thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Anh K. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Anh K xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 06/10/2023 số 20. Sau khi kết hôn một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Cả hai bên đã tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Bà L nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông K không còn hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà làm đơn này đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn của bà.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý cho ông Nguyễn Anh K. Kết quả ủy thác là đã tổng đạt trực tiếp cho ông K nhưng Tòa án không nhận được văn bản nêu ý kiến của ông về những vấn đề bà L yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ đó cho thấy ông K cũng không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà L. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của bà L và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà L yêu cầu ly hôn với ông K là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Anh K nên không có cơ sở xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về con chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Anh K nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Anh K và cũng không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không có cơ sở xem xét. Nếu có

phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Anh K.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Anh K. Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn nên ghi nhận.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Anh K nên không có cơ sở xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về con chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Anh K nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày không có nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Anh K và cũng không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003248 ngày 11 tháng 03 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng là chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005508 ngày 26 tháng 03 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà L đã nộp xong.

4. Bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Anh K được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (1b);
- Các đương sự (2b);
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ (1b);
- Lưu hồ sơ (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lương